

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 21 tháng 5 năm 2021  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trừ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Loan

2. Ông Phạm Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Võ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình K sinh năm 1979; trú tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1980; trú tại thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 16 tháng 11 năm 2020, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đình K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 20/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau. Từ năm 2020 vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay anh K thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh K yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng Anh K, chị T có 03 con chung là Nguyễn Miêu B sinh ngày 27 tháng 12 năm 2005, Nguyễn Chí K sinh ngày 24 tháng 4 năm 2004 và

Nguyễn Ngọc Thảo U sinh ngày 26 tháng 10 năm 2019. Anh K đang nuôi dưỡng hai cháu B, K, chị T đang nuôi dưỡng cháu U. Anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung K, B và giao cháu U cho chị T nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và anh K cũng không cấp dưỡng nuôi cháu U.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị T để trình bày ý kiến về việc anh K khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tham gia phiên tòa nhưng chị T đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của chị T, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K yêu cầu ly hôn với chị T, chị T đang cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn là chị T đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh K, chị T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 20/01/2003 theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2003 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị T là hợp pháp.

Về việc anh K yêu cầu ly hôn với chị T, xét thấy: Vợ chồng anh K, chị T thực tế không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2020; chứng tỏ giữa anh K và chị T đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai người không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng chị T đều không có mặt, chứng tỏ chị T không còn quan tâm về mối quan hệ hôn nhân với anh K; nên có cơ sở để xác định anh K với chị T đã không còn thương yêu nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với quy

định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của anh.

[3] Về nuôi con chung: Anh K, chị T có 03 con chung là Nguyễn Miêu B sinh ngày 27 tháng 12 năm 2005, Nguyễn Chí K sinh ngày 24 tháng 4 năm 2004 và Nguyễn Ngọc Thảo U sinh ngày 26 tháng 10 năm 2019. Xét thấy: Anh K đang nuôi hai cháu K, B, chị T đang nuôi cháu U. Vì vậy việc anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung K, B và giao cháu U cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của anh. Anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung và anh K cũng không cấp dưỡng nuôi cháu Uyên, nên anh K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh K, chị T không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Đình K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình K được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 02 con chung là Nguyễn Miêu B sinh ngày 27 tháng 12 năm 2005, Nguyễn Chí K sinh ngày 24 tháng 4 năm 2004 cho anh Nguyễn Đình K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nguyễn Ngọc Thảo U sinh ngày 26 tháng 10 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.2 Anh K, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần T anh K, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đình K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003538 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V; anh K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện V;
- ( Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trừ**